

## KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO

### 1. Mục đích tự đánh giá

1. Nhằm xác nhận mức độ nhà trường đáp ứng các tiêu chuẩn, tiêu chí theo quy định của Bộ giáo dục & Đào tạo.
2. Làm cơ sở để nhà trường lập kế hoạch cải thiện chất lượng nhà trường trong các năm tiếp theo.
3. Làm căn cứ để nhà trường đăng ký kiểm định chất lượng nhà trường.

### 2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của nhà trường theo các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trong một chu kỳ kiểm định chất lượng.

### 3. Hội đồng tự đánh giá

#### 3.1. Thành phần Hội đồng Tự đánh giá

Hội đồng Tự đánh giá được thành lập theo Quyết định số 232 ngày 10/02/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược, Hội đồng gồm có 25 thành viên (danh sách kèm theo).

| TT | Họ và tên          | Chức danh, chức vụ            | Nhiệm vụ        |
|----|--------------------|-------------------------------|-----------------|
| 1  | Nguyễn Văn Sơn     | PGS TS, Hiệu trưởng           | Chủ tịch HĐ     |
| 2  | Trịnh Xuân Tráng   | PGS TS, Phó hiệu trưởng       | Phó chủ tịch HĐ |
| 3  | Trần Đức Quý       | PGS TS, Phó hiệu trưởng       | Ủy viên         |
| 4  | Nguyễn Tiến Dũng   | PGS TS, Phó hiệu trưởng       | Ủy viên         |
| 5  | Nguyễn Thành Trung | PGS TS, Phó hiệu trưởng       | Ủy viên         |
| 6  | Nguyễn Quang Mạnh  | TS, Trưởng phòng KT&ĐBCLGD    | Ủy viên, thư ký |
| 7  | Bùi Thanh Thủy     | Ths, Trưởng phòng HC - TC     | Ủy viên         |
| 8  | Trịnh Văn Hùng     | TS, Trưởng phòng Đào tạo      | Ủy viên         |
| 9  | Lê Ngọc Uyển       | Ths, Trưởng phòng CT HSSV     | Ủy viên         |
| 10 | Hạc Văn Vinh       | TS, Trưởng phòng KHCN - HTQT  | Ủy viên         |
| 11 | Hoàng Hà           | PGS TS, Trưởng phòng CNTT- TV | Ủy viên         |
| 12 | Nguyễn Như Trang   | Ths, Phó trưởng phòng QTPV    | Ủy viên         |



|    |                       |                                 |         |
|----|-----------------------|---------------------------------|---------|
| 13 | Dương Văn Thanh       | BSCKII, Phó trưởng phòng TT- PC | Ủy viên |
| 14 | Nguyễn Thị Hằng Nga   | CN, Trưởng phòng KH - TC        | Ủy viên |
| 15 | Nguyễn Thu Hiền       | TS, Trưởng khoa KHCB            | Ủy viên |
| 16 | Trịnh Xuân Đàn        | PGS TS, Trưởng khoa YHCS        | Ủy viên |
| 17 | Nguyễn Quý Thái       | PGS TS, Trưởng khoa CCK         | Ủy viên |
| 18 | Đàm Thị Tuyết         | TS, Trưởng khoa YTCC            | Ủy viên |
| 19 | Trần Văn Tuấn         | PGS TS, Trưởng khoa Dược        | Ủy viên |
| 20 | Nông Phương Mai       | Ths, Trưởng khoa Điều dưỡng     | Ủy viên |
| 21 | Hoàng Tiến Công       | TS, Trưởng khoa RHM             | Ủy viên |
| 22 | Dương Hồng Thái       | PGS TS, Trưởng bộ môn Nội       | Ủy viên |
| 23 | Nguyễn Văn Sửu        | BSCKII, Trưởng bộ môn Ngoại     | Ủy viên |
| 24 | Phạm Quỳnh Hoa        | BSCKII, Trưởng bộ môn Sản       | Ủy viên |
| 25 | Nguyễn Thị Xuân Hương | Ths, Phó trưởng bộ môn Nhi      | Ủy viên |

**3.2. Ban thư ký giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách (danh sách kèm theo)**

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ**

| TT | Họ và tên           | Chức danh, chức vụ                | Nhiệm vụ       |
|----|---------------------|-----------------------------------|----------------|
| 1  | Nguyễn Quang Mạnh   | TS, Trưởng phòng KT & ĐBCLGD      | Trưởng ban     |
| 2  | Bùi Thị Quỳnh Nhung | Ths, Phó trưởng phòng KT & ĐBCLGD | Phó trưởng ban |
| 3  | Trịnh Văn Hùng      | TS, Trưởng phòng Đào tạo          | Ủy viên        |
| 4  | Bùi Thanh Thủy      | Ths, Trưởng phòng HC - TC         | Ủy viên        |
| 5  | Lê Ngọc Uyển        | ThS, Trưởng phòng CT HSSV         | Ủy viên        |
| 6  | Hoàng Hà            | PGS TS, Trưởng phòng CNTT - TV    | Ủy viên        |
| 7  | Hạc Văn Vinh        | TS, Trưởng phòng KHCN - HTQT      | Ủy viên        |
| 8  | Nguyễn Thị Hằng Nga | CN, Trưởng phòng KH - TC          | Ủy viên        |
| 9  | Nguyễn Như Trang    | Ths, Phó trưởng phòng QTPV        | Ủy viên        |

**DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH**

| STT    | Họ và tên         | Chức danh, chức vụ           | Nhiệm vụ        |
|--------|-------------------|------------------------------|-----------------|
| Nhóm 1 | Nguyễn Văn Sơn    | PGS TS, Hiệu trưởng          | Trưởng nhóm     |
|        | Trịnh Xuân Tráng  | PGS TS, Phó hiệu trưởng      | Ủy viên         |
|        | Nguyễn Quang Mạnh | TS, Trưởng phòng KT & ĐBCLGD | Ủy viên, thư ký |
|        | Trịnh Văn Hùng    | TS, Trưởng phòng Đào tạo     | Ủy viên         |
|        | Bùi Thanh Thủy    | Ths, Trưởng phòng HC - TC    | Ủy viên         |
|        | Lê Ngọc Uyển      | Ths, Trưởng phòng CT HSSV    | Ủy viên         |
|        | Hạc Văn Vinh      | TS, Trưởng phòng KHCN - HTQT | Ủy viên         |



|        |                        |                                |                |
|--------|------------------------|--------------------------------|----------------|
| Nhóm 1 | Hoàng Hà               | PGS TS, Trưởng phòng CNTT-TV   | Ủy viên        |
|        | Nguyễn Như Trang       | Ths, Phó trưởng phòng QTPV     | Ủy viên        |
|        | Nguyễn Thị Hằng Nga    | CN, Trưởng phòng KH - TC       | Ủy viên        |
|        | Vũ Thị Mai Hương Giang | CN, CV P. KT & ĐBCLGD          | Ủy viên        |
| Nhóm 2 | Nguyễn Văn Sơn         | PGS TS, Hiệu trưởng            | Trưởng nhóm    |
|        | Trịnh Xuân Tráng       | PGS TS, Phó hiệu trưởng        | Ủy viên        |
|        | Bùi Thanh Thủy         | Ths, Trưởng phòng HC - TC      | Ủy viên thư ký |
|        | Trịnh Văn Hùng         | TS, Trưởng phòng Đào tạo       | Ủy viên        |
|        | Trịnh Xuân Đàn         | PGS TS, Chủ tịch công đoàn     | Ủy viên        |
|        | Bùi Thị Quỳnh Nhung    | Ths, Phó TP KT&ĐBCLGD          | Ủy viên        |
|        | Nguyễn Quang Đông      | Ths, Bí thư Đoàn thanh niên    | Ủy viên        |
|        | Dương Văn Thanh        | BSCKII, Phó trưởng phòng TT-PC | Ủy viên        |
|        | Nguyễn Thị Hằng Nga    | CN, Trưởng phòng KH - TC       | Ủy viên        |
|        | Vũ Thị Mai Hương Giang | CN, CV P. KT & ĐBCLGD          | Ủy viên        |
| Nhóm 3 | Nguyễn Văn Sơn         | PGS TS, Hiệu trưởng            | Trưởng nhóm    |
|        | Nguyễn Tiến Dũng       | PGS TS, Phó hiệu trưởng        | Ủy viên        |
|        | Bùi Thanh Thủy         | Ths, Trưởng phòng HC - TC      | Ủy viên        |
|        | Tạ Quang Hùng          | Ths, Phó trưởng phòng HC - TC  | Ủy viên thư ký |
|        | Bùi Thị Quỳnh Nhung    | Ths, Phó TP KT&ĐBCLGD          | Ủy viên        |
|        | Đinh Mạnh Hùng         | CN, Chuyên viên HC - TC        | Ủy viên        |
|        | Đào Thị Thu Hoài       | CN, Chuyên viên HC - TC        | Ủy viên        |
|        | Nguyễn Thị Minh Nguyệt | CN, Chuyên viên KT & ĐBCLGD    | Ủy viên        |
|        | Nguyễn Thị Bích Đào    | CN, Chuyên viên HC - TC        | Ủy viên        |
|        | Nguyễn Thị Lan Anh     | CN, Chuyên viên HC - TC        | Ủy viên        |
|        | Trần Thị Kim Chi       | Cán sự, Chuyên viên HC - TC    | Ủy viên        |
|        | Hà Thị Nga             | CN, Chuyên viên HC - TC        | Ủy viên        |
| Nhóm 4 | Nguyễn Văn Sơn         | PGS TS, Hiệu trưởng            | Trưởng nhóm    |
|        | Trần Đức Quý           | PGS TS, Phó hiệu trưởng        | Ủy viên        |
|        | Nguyễn Quang Mạnh      | TS, Trưởng phòng KT&ĐBCLGD     | Ủy viên        |
|        | Trịnh Văn Hùng         | TS, Trưởng phòng Đào tạo       | Ủy viên thư ký |
|        | Lại Ngọc Khánh         | BS, Phó trưởng phòng Đào tạo   | Ủy viên        |
|        | Phương Thị Ngọc        | Ths, Phó trưởng phòng Đào tạo  | Ủy viên        |
|        | Nguyễn Phương Sinh     | TS, Phó trưởng phòng Đào tạo   | Ủy viên        |
|        | Bùi Thị Quỳnh Nhung    | Ths, Phó TP KT&ĐBCLGD          | Ủy viên        |
|        | Nguyễn Thu Hiền        | TS, Trưởng khoa KHCB           | Ủy viên        |
|        | Trịnh Xuân Đàn         | PGS TS, Trưởng khoa YHCS       | Ủy viên        |
|        | Nguyễn Quý Thái        | PGS TS, Trưởng khoa CCK        | Ủy viên        |



|        |                        |                                |                |
|--------|------------------------|--------------------------------|----------------|
| Nhóm 4 | Đàm Thị Tuyết          | TS, Trưởng khoa YTCC           | Ủy viên        |
|        | Trần Văn Tuấn          | TS, Trưởng khoa Dược           | Ủy viên        |
|        | Nông Phương Mai        | Ths, Trưởng khoa Điều dưỡng    | Ủy viên        |
|        | Hoàng Tiến Công        | TS, Trưởng khoa RHM            | Ủy viên        |
|        | Dương Hồng Thái        | PGS TS, Trưởng bộ môn Nội      | Ủy viên        |
|        | Nguyễn Văn Sửu         | BSCCKII, Trưởng bộ môn Ngoại   | Ủy viên        |
|        | Phạm Quỳnh Hoa         | BSCCKII, Trưởng bộ môn Sản     | Ủy viên        |
|        | Nguyễn Thị Xuân Hương  | Ths, Phó trưởng bộ môn Nhi     | Ủy viên        |
|        | Vũ Thị Mai Hương Giang | CN, Chuyên viên P. KT&ĐBCLGD   | Ủy viên        |
|        | Đồng Thị Thùy Linh     | Ths, Chuyên viên P. KT&ĐBCLGD  | Ủy viên        |
|        | Vũ Thị Thu Hằng        | TS, Chuyên viên phòng Đào tạo  | Ủy viên        |
|        | Vũ Tiến Thắng          | Ths, Chuyên viên phòng Đào tạo | Ủy viên        |
|        | Mai Thị Lan Anh        | CN, Chuyên viên phòng Đào tạo  | Ủy viên        |
| Nhóm 5 | Nguyễn Tiến Dũng       | PGS TS, Phó hiệu trưởng        | Trưởng nhóm    |
|        | Lê Ngọc Uyển           | Ths, Trưởng phòng CT HSSV      | Ủy viên        |
|        | Nguyễn Quang Mạnh      | TS, Trưởng phòng KT&ĐBCLGD     | Ủy viên        |
|        | Trần Bảo Ngọc          | TS, Phó trưởng phòng CT HSSV   | Ủy viên        |
|        | Lê Thị Lựu             | Ths, Phó trưởng phòng CT HSSV  | Ủy viên thư ký |
|        | Lô Quang Thuận         | CN, Chuyên viên phòng CT HSSV  | Ủy viên        |
|        | Nguyễn Quang Đông      | Ths, Bí thư Đoàn thanh niên    | Ủy viên        |
|        | Phan Thị Kim Huệ       | CN, Chuyên viên phòng CT HSSV  | Ủy viên        |
|        | Đào Thị Thanh Huyền    | CN, Chuyên viên phòng CT HSSV  | Ủy viên        |
|        | Tô Thị Thu Ngân        | CN, Chuyên viên phòng CT HSSV  | Ủy viên        |
|        | Nguyễn Thị Vân         | CN, Chuyên viên P.KT&ĐBCLGD    | Ủy viên        |
|        | Nguyễn Thị Minh Nguyệt | CN, Chuyên viên KT & ĐBCLGD    | Ủy viên        |
| Nhóm 6 | Trần Đức Quý           | PGS TS, Phó hiệu trưởng        | Trưởng nhóm    |
|        | Hạc Văn Vinh           | TS, Trưởng phòng KHCN - HTQT   | Ủy viên thư ký |
|        | Nguyễn Quang Mạnh      | TS, Trưởng phòng KT&ĐBCLGD     | Ủy viên        |
|        | Hoàng Hà               | PGS TS, Trưởng phòng CNTT-TV   | Ủy viên        |
|        | Nguyễn Văn Chí         | Ths, Trưởng phòng QT - PV      | Ủy viên        |
|        | Trương Viết Trường     | Ths, Phó trưởng phòng CNTT-TV  | Ủy viên        |
|        | Nguyễn Như Trang       | Ths, Phó trưởng phòng QT - PV  | Ủy viên        |
|        | Nguyễn Văn Thắng       | Ths, Chuyên viên P. KHCN-HTQT  | Ủy viên        |
|        | Đoàn Ngọc Diệp         | CN, Chuyên viên P. KHCN-HTQT   | Ủy viên        |
|        | Nguyễn Thị Minh Nguyệt | CN, Chuyên viên P.KT&ĐBCLGD    | Ủy viên        |
| Nhóm 7 | Trịnh Xuân Tráng       | PGS TS, Phó hiệu trưởng        | Trưởng nhóm    |
|        | Nguyễn Như Trang       | Ths, Phó trưởng phòng QT - PV  | Ủy viên thư ký |



|        |                     |                                |         |
|--------|---------------------|--------------------------------|---------|
| Nhóm 7 | Nguyễn Thị Hằng Nga | CN, Trưởng phòng KH - TC       | Ủy viên |
|        | Hoàng Hà            | PGS TS, Trưởng phòng CNTT-TV   | Ủy viên |
|        | Bùi Thị Quỳnh Nhung | ThS, Phó TP KT&ĐBCLGD          | Ủy viên |
|        | Nguyễn Tiến Dũng    | CN, Phó trưởng phòng KH - TC   | Ủy viên |
|        | Nguyễn Thị Hạnh     | CN, Phó trưởng phòng KH - TC   | Ủy viên |
|        | Dương Thủy Anh      | CN, Phó trưởng phòng CNTT-TV   | Ủy viên |
|        | Nguyễn Thị Thu Hằng | CN, chuyên viên phòng CNTT-TV  | Ủy viên |
|        | Hồ Xuân Nhân        | Ths, chuyên viên phòng CNTT-TV | Ủy viên |
|        | Nguyễn Vũ Tuấn Anh  | CN, chuyên viên phòng QT - PV  | Ủy viên |
|        | Nguyễn Thị Vân      | CN, chuyên viên P. KT&ĐBCLGD   | Ủy viên |
|        | Đồng Thị Thùy Linh  | Ths, Chuyên viên P. KT&ĐBCLGD  | Ủy viên |

### 3.3. Phân công thực hiện

| TT | Tiêu chuẩn    | Nhóm chịu trách nhiệm | Thời gian thu thập thông tin và minh chứng |
|----|---------------|-----------------------|--|
| 1  | Cơ sở dữ liệu | Nhóm 1                | 02/3/2015-02/8/2015                        |
| 2  | Tiêu chuẩn 1  | Nhóm 2                | 02/3/2015-02/8/2015                        |
| 3  | Tiêu chuẩn 2  | Nhóm 3                | 02/3/2015-02/8/2015                        |
| 4  | Tiêu chuẩn 3  | Nhóm 4                | 02/3/2015-02/8/2015                        |
| 5  | Tiêu chuẩn 4  | Nhóm 4                | 02/3/2015-02/8/2015                        |
| 6  | Tiêu chuẩn 5  | Nhóm 3                | 02/3/2015-02/8/2015                        |
| 7  | Tiêu chuẩn 6  | Nhóm 5                | 02/3/2015-02/8/2015                        |
| 8  | Tiêu chuẩn 7  | Nhóm 6                | 02/3/2015-02/8/2015                        |
| 9  | Tiêu chuẩn 8  | Nhóm 6                | 02/3/2015-02/8/2015                        |
| 10 | Tiêu chuẩn 9  | Nhóm 7                | 02/3/2015-02/8/2015                        |
| 11 | Tiêu chuẩn 10 | Nhóm 7                | 02/3/2015-02/8/2015                        |

### 4. Kế hoạch huy động các nguồn lực

Xác định các nguồn lực, cơ sở vật chất và tài chính cần huy động hoặc cung cấp cho từng hoạt động tự đánh giá, thời gian cần được cung cấp

| TT | Tiêu chuẩn  | Các hoạt động                            | Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp                          | Thời gian cần huy động |
|----|---|--|--|------------------------|
| 1  | Tiêu chuẩn 1: Sứ mạng và mục tiêu của trường đại học. | Điều chỉnh sứ mạng, mục tiêu của trường. | Hội đồng trường, Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn TN và Nhóm chuyên trách số 2 | 02/3/2015-02/8/2015    |



|   |  |   |  |                         |
|---|--|---|--|-------------------------|
| 2 | Tiêu chuẩn 2 & 5:<br>Tổ chức và quản lý;<br>Đội ngũ CB quản lý,<br>GV và NV.   | Lấy ý kiến đánh giá<br>của cán bộ giảng viên<br>đối với cán bộ quản lý.   | Hội đồng trường và<br>Nhóm chuyên trách<br>số 3  | 02/3/2015-<br>02/8/2015 |
| 3 | Tiêu chuẩn 3 & 4:<br>Chương trình đào<br>tạo; Hoạt động đào<br>tạo.  | - Lấy ý kiến phản hồi<br>về chương trình đào tạo<br>của các bên liên quan<br>(nhà tuyển dụng lao<br>động, cựu sinh viên).<br>- Lấy ý kiến phản hồi<br>của nhà tuyển dụng về<br>sự hài lòng đối với SV<br>tốt nghiệp.  | Hội đồng trường và<br>Nhóm chuyên trách<br>số 4, Phòng<br>CTHSSV, Đào tạo,<br>KH-CN-HTQT,<br>KH-TC, các khoa,<br>KT&ĐBCLGD,<br>Đoàn TN, Hội SV | 02/3/2015-<br>02/8/2015 |
| 4 | Tiêu chuẩn 6: Người<br>học.  | Khảo sát ý kiến người<br>học về các hoạt động<br>hỗ trợ học tập và sinh<br>hoạt của người học.  | Hội đồng trường và<br>Nhóm chuyên trách<br>số 5, Phòng<br>CTHSSV, KH-TC,<br>KT&ĐBCLGD,<br>các khoa.  | 02/3/2015-<br>02/8/2015 |
| 5 | Tiêu chuẩn 7 & 8:<br>NCKH, ứng dụng,<br>phát triển và chuyển<br>giao công nghệ;<br>Hoạt động hợp tác<br>quốc tế.                           | Khảo sát ý kiến cán bộ,<br>giảng viên về các hoạt<br>động nghiên cứu khoa<br>học, trao đổi hợp tác<br>trong và ngoài nước   | Hội đồng trường và<br>Nhóm chuyên trách<br>số 6, Phòng<br>KH-CN-HTQT,<br>KT&ĐBCLGD   | 02/3/2015-<br>02/8/2015 |
| 6 | Tiêu chuẩn 9: Thư<br>viện, trang thiết bị<br>học tập và cơ sở vật<br>chất<br><br>Tiêu chuẩn 10: Tài<br>chính và quản lý tài<br>chính khác. | - Khảo sát ý kiến của<br>độc giả về nhu cầu<br>sách, báo, tài liệu học<br>tập và chất lượng phục<br>vụ của thư viện.<br>- Khảo sát mức độ hài<br>lòng của người sử dụng<br>(GV, SV) về các trang<br>thiết bị phục vụ nhu<br>cầu học tập giảng dạy<br>và NCKH. | Hội đồng trường và<br>Nhóm chuyên trách<br>số 7, Phòng HC-<br>TC, CNTT-TV,<br>KH-TC,<br>KT&ĐBCLGD,<br>các khoa.                                | 02/3/2015-<br>02/8/2015 |

#### **4.1. Nhân lực**

Ngoài các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách, tùy tình hình thực tế khi triển khai công tác tự đánh giá, có thể huy động thêm cán bộ giảng viên từ các đơn vị trong trường.

#### **4.2. Cơ sở vật chất**

Tận dụng cơ sở vật chất hiện có tại các đơn vị và có thể mua thêm các trang thiết bị cần thiết cho công tác tự đánh giá trên cơ sở kinh phí được cấp hàng năm cho hoạt động tự đánh giá.

**4.3. Tài chính:** Dự kiến 100,000,000 đồng gồm các nội dung chi cơ bản sau:

- Chi phụ cấp trách nhiệm của Hội đồng, Ban Thư ký, các nhóm chuyên trách.
- Chi tập huấn, hội nghị, hội thảo, thuê chuyên gia tư vấn.
- Chi thu thập tài liệu và xử lý minh chứng.
- Chi phỏng vấn, điều tra các nhà tuyển dụng.
- Chi viết báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn.
- Chi vật tư, văn phòng phẩm và chi khác.

#### **5. Công cụ tự đánh giá**

Sử dụng Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học ban hành kèm theo Quyết định số 65/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01/11/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo Dục và Đào tạo, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 37/2012/TT-BGDĐT ngày 30/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tài liệu hướng dẫn khác.

#### **6. Kế hoạch thu thập thông tin ở ngoài nhà trường**

Tùy tình hình thực tế, các nhóm công tác chuyên trách có nhu cầu thu thập thông tin minh chứng từ nguồn ngoài trường sẽ đề xuất (*các thông tin cần thu thập, nguồn cung cấp, thời gian cần thu thập, kinh phí cần có, người thực hiện...*).

#### **7. Kế hoạch thuê chuyên gia từ bên ngoài**

Trong quá trình triển khai công tác tự đánh giá, nhà trường thuê chuyên gia tư vấn để: Tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá và nghiệm thu báo cáo tự đánh giá trước toàn thể Hội đồng tự đánh giá, các nhóm công tác chuyên trách và Ban thư ký, tư vấn đăng ký đánh giá ngoài.



## 8. Thời gian biểu

Thời gian thực hiện công tác tự đánh giá (TĐG) là 06 tháng (từ 02/3/15 - 02/8/2015), theo lịch trình cụ thể sau:

| Thời gian          | Các hoạt động  |
|--------------------|--|
| <b>Tuần 1 - 2</b>  | <ul style="list-style-type: none"><li>Họp Lãnh đạo nhà trường để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên Hội đồng tự đánh giá;</li><li>Ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá;</li><li>Họp Hội đồng tự đánh giá để:<ul style="list-style-type: none"><li>Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá;</li><li>Thảo luận và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng;</li><li>Phân công dự thảo kế hoạch tự đánh giá;</li><li>Dự kiến các nhóm công tác chuyên trách để giúp các thành viên Hội đồng thực hiện các nhiệm vụ được giao.</li></ul></li><li>Tiến hành dự thảo kế hoạch tự đánh giá.</li></ul> |
| <b>Tuần 3 - 4</b>  | <ul style="list-style-type: none"><li>Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, giáo viên, nhân viên và người học (thông qua các khoa, phòng, ban...);</li><li>Tổ chức Hội thảo về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các thành viên của Hội đồng tự đánh giá, các cán bộ chủ chốt của nhà trường, khoa, phòng, ban... (do cán bộ của trường tham gia khoá tập huấn về tự đánh giá hoặc phối hợp với chuyên gia từ bên ngoài để tổ chức Hội thảo);</li><li>Hoàn thành bản dự thảo kế hoạch tự đánh giá.</li></ul>  |
| <b>Tuần 5</b>      | Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng.  |
| <b>Tuần 6 - 12</b> | <ul style="list-style-type: none"><li>Chuẩn bị đề cương báo cáo tự đánh giá;</li><li>Thu thập thông tin và minh chứng;</li><li>Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được;</li><li>Mô tả thông tin và minh chứng thu được;</li><li>Phân tích, lý giải các kết quả đạt được;</li></ul>   |
| <b>Tuần 13</b>     | Họp Hội đồng tự đánh giá để: <ul style="list-style-type: none"><li>Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được;</li></ul>  |



|                     |  |
|---------------------|--|
|                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Xác định nhu cầu thu thập thông tin bổ sung;</li> <li>• Điều chỉnh đề cương báo cáo tự đánh giá và xây dựng đề cương chi tiết.</li> </ul>   |
| <b>Tuần 14</b>      | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thu thập, xử lý thông tin bổ sung (nếu cần thiết)</li> <li>• Hội đồng tự đánh giá đề thông qua đề cương chi tiết báo cáo tự đánh giá</li> </ul>   |
| <b>Tuần 15 - 17</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thu thập thông tin bổ sung (nếu cần thiết);</li> <li>• Các cuộc họp bổ sung (nếu cần thiết);</li> <li>• Dự thảo báo cáo tự đánh giá;</li> <li>• Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá.</li> </ul> |
| <b>Tuần 18 - 19</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Hội đồng tự đánh giá họp với các khoa, bộ môn, phòng, ban... để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý.</li> </ul>  |
| <b>Tuần 20 - 21</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Hội đồng tự đánh giá đề thông qua bản báo cáo tự đánh giá đã sửa chữa;</li> <li>• Công bố báo cáo tự đánh giá trong nội bộ nhà trường và thu thập các ý kiến đóng góp.</li> </ul>   |
| <b>Tuần 22</b>      | Xử lý các ý kiến đóng góp và hoàn thiện bản báo cáo tự đánh giá  |
| <b>Tuần 23</b>      | Công bố bản báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện (trong nội bộ nhà trường)  |
| <b>Tuần 24</b>      | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Tập hợp các ý kiến đóng góp cho quy trình tự đánh giá, các biểu mẫu và các phần khác của tài liệu hướng dẫn;</li> <li>• Lưu trữ bản báo cáo tự đánh giá;</li> <li>• Gửi các file báo cáo về Cục KTKĐCLGD.</li> </ul>                        |

**Nơi nhận:**

- ĐHTN (để b/c);
- Hội đồng tự đánh giá của trường;
- Các khoa, Bộ môn trực thuộc
- Lưu VT, KT&ĐBCLGD



**HIỆU TRƯỞNG**

**PGS TS. Nguyễn Văn Sơn**